

HỌ TÊN: \_\_\_\_\_ LỚP: 3 \_\_\_\_\_

## TOÁN – TUẦN 6

### I/ TRẮC NGHIỆM

**Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:**

**Câu 1. .... x 8 = 64 Số cần điền vào dấu chấm là:**

- A. 5                      B. 6                      C. 7                      D. 8

**Câu 2. 6 là kết quả của phép tính nào dưới đây:**

- A.  $12 : 3$                       B.  $12 : 6$                       C.  $42 : 7$                       D.  $40 : 8$

**Câu 3: Thừa số thứ nhất là 9, thừa số thứ hai là 7 lúc đó tích là:**

- A. 49                      B. 72                      C. 63                      D. 36

**Câu 4: Trong phép tính  $36 : 9 = 4$  số bị chia là:**

- A. 36                      B. 9                      C. 4                      D. 36, 9

**Câu 5: Phép tính  $27 : 9 + 5$  có kết quả là:**

- A. 14                      B. 9                      C. 8                      D. 15

**Câu 6: Cho ... x 6 = 8 x 3**

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là.....

**Câu 7: Cho phép tính  $27 + 27 + 72 : 9 = \dots$**

Kết quả của phép tính là.....

**Câu 8: Trong dãy số: 27, 36, 45, ....., ..... Hai số thích hợp để viết tiếp vào chỗ chấm là:**

- A. 54, 60                      B. 54, 62,                      C. 54, 63                      D. 48, 56

### II/ TỰ LUẬN

**Bài 1. Tính nhẩm:**

$45 : 9 = \dots\dots\dots$

$81 : 9 = \dots\dots\dots$

$24 : 8 = \dots\dots\dots$

$15 : 5 = \dots\dots\dots$

$36 : 9 = \dots\dots\dots$

$20 : 5 = \dots\dots\dots$

$18 : 9 = \dots\dots\dots$

$48 : 8 = \dots\dots\dots$

$56 : 7 = \dots\dots\dots$

## Bài 2. Tính:

$24 : 6 + 36 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

$18 : 9 + 228 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

$373 - 90 : 9 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

$152 - 64 : 8 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

## Bài 3 : Tìm một số, biết số đó nhân với 7 được 49.

Bài giải

$\square \bigcirc \square = \square$

Số cần tìm là: .....

## Bài 4 : Tìm số bị chia, biết số chia và thương đều là 7.

Bài giải

$\square \bigcirc \square = \square$

Số bị chia là: .....

## Bài 5: Cô giáo có 56 quyển vở, cô thưởng cho 3 bạn, mỗi bạn 9 quyển.

a. Cô đã phát thưởng bao nhiêu quyển vở?

b. Cô còn lại bao nhiêu quyển vở?

Bài giải

a) .....

$\square \bigcirc \square = \square \text{ (quyển vở)}$

b) .....

$\square \bigcirc \square = \square \text{ (quyển vở)}$

Đáp số: a) ..... quyển vở.

b) ..... quyển vở.

## Bài 6: Một phần mấy?

